

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu tái định cư xã Tây Vinh phục vụ dự án đường bộ cao tốc
Bắc - Nam (diện tích 4,06 ha) tại xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn
của UBND huyện Tây Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 442/STNMT-CCBVMT ngày 24/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu tái định cư xã Tây Vinh phục vụ dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam tại xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn của UBND huyện Tây Sơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu tái định cư xã Tây Vinh phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam (diện tích 4,06 ha) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 219/UBND-KT ngày 28/02/2023 của UBND huyện Tây Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 177/TTr-STNMT ngày 02/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Khu tái định cư xã Tây Vinh phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam (diện tích 4,06 ha) (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Tây Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Vinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU TÁI ĐỊNH CƯ XÃ TÂY VINH PHỤC VỤ DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ
CAO TỐC BẮC – NAM (DIỆN TÍCH 4,06 HA) TẠI XÃ TÂY VINH,
HUYỆN TÂY SƠN CỦA UBND HUYỆN TÂY SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu tái định cư xã Tây Vinh phục vụ dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam (diện tích 4,06 ha).

- Địa điểm thực hiện: xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND huyện Tây Sơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Tổng diện tích: 4,06 ha.

- Quy mô: gồm 98 lô đất tái định cư với dân số dự kiến khoảng 392 người và 01 trường mầm non với số lượng học sinh dự kiến khoảng 420 cháu.

- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Thành phần đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích quy hoạch			40.622,40	100
I	Đất đầu tư hạ tầng kỹ thuật (taluy)		520,00	1,28
II	Đất quy hoạch khu tái định cư		40.102,40	98,72
1	Đất ở liên kế (98 lô)	OLK	13.120,00	32,3
2	Đất giáo dục (Trường mầm non)	DGD-MG	6.300,90	15,51
3	Đất cây xanh công cộng	DKV	4.025,00	9,91
5	Đất giao thông	DHT	16.656,50	41,0

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án: 98 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 13.120 m² và 01 trường mầm non có diện tích 6.300,9 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- 01 Bể tự hoại tập trung 5 ngăn (kết cấu bằng bê tông cốt thép, dung tích khoảng 160 m³), có công suất xử lý 80 m³/ngày.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 4.025 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 3,69 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,08 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD⁵) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trên toàn bộ diện tích 6,2 ha theo đồ án quy hoạch đã được UBND huyện Tây Sơn phê duyệt tại Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 là 80 m³/ngày (trong đó, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, trường mầm non trong phạm vi dự án phát sinh khoảng 56,6 m³/ngày). Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên

vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 1 tấn. Thành phần chủ yếu là cây dại, cỏ...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 3 - 4,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 4752,22 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 20,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 268,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 41 kg/năm. Thành phần chủ yếu là các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số,...

b) Giai đoạn hoạt động

CTNH phát sinh khoảng 0,27 - 2,7 kg/ngày, chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin, các thiết bị linh kiện điện tử,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

3.4 Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực Dự án.

- Việc hình thành Dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Thoát nước nội bộ trong phạm vi dự án: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Dọc theo các đường nội bộ quy hoạch tuyến cống BTCT $\Phi 400$ - $\Phi 1000$ để thu gom nước mưa thoát về cửa xả ra mương hiện trạng nằm phía Đông của dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, trường mầm non, sau đó được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE đặt trên các vỉa hè dẫn về bể tự hoại tập trung 5 ngăn có công suất 80 m³/ngày tại phía Đông dự án để xử lý trước khi thải ra mương nước phía Đông dự án.

+ Về lâu dài, khi hạ tầng thoát nước thải tại khu vực được xây dựng đồng bộ: bể tự hoại tập trung 5 ngăn sẽ được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực theo quy hoạch.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chờ đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất bóc phong hóa hữu được vận chuyển san lấp tại vị trí cây xanh của Dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyên, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyên, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: Mỗi hộ dân sẽ tự giữ và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý khi có đợt thu gom CTNH tại địa phương.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Để đảm bảo thoát nước cho khu vực, phương án hoàn trả kênh mương

như sau:

+ Phía Bắc dự án, nạo vét mương đất B600 L = 24m, đầu nối vào tuyến mương đất phía Đông dự án qua tuyến cống D600.

+ Phía Đông dự án, xây dựng tuyến mương đất dọc theo taluy với chiều dài L = 180m song song đường D1 làm nhiệm vụ cấp nước cho khu vực ruộng phía Đông Nam dự án.

+ Xây dựng tuyến cống D1000 trên đường N2, L = 130m nối từ mương đất phía Đông sang phía Tây dự án, cấp nước cho ruộng phía Tây dự án.

+ Hoàn thiện tuyến mương đất với chiều dài L = 224m phía Tây dự án song song đường D3 kết nối vào mương đất hiện hữu để cung cấp nước cho đồng ruộng phía Tây dự án, đồng thời vào mùa lũ có chức năng thoát nước qua cầu bản về Bầu Già.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 mẫu tại khu vực dân cư phía Bắc dự án (tọa độ: 1.540425; 582.250); phía Đông dự án (tọa độ: 1.540174; 582.338); phía Nam dự án (tọa độ: 1.540042; 582.167)

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.